

Phụ lục VII

Appendix VII

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN,
NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/
CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR
SHAREHOLDERS OR INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSED-END FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**SAIBU GAS HOLDINGS
CO., LTD.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:...../BC-.....

....., ngày ³⁰ tháng ⁰¹ năm ²⁰²⁶

No:...../BC-.....

....., month ³⁰ day ⁰¹ year ²⁰²⁶

BÁO CÁO

**Về ngày không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu
REPORT ON THE DAY CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS,
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- PetroVietNam Low Pressure Gas Distribution JSC.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/ organization:*

SAIBU GAS HOLDINGS CO., LTD.

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Sổ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức): ngày cấp nơi cấp **Nhật Bản**/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations)

date of issue *place of issue* Japan

- Điện thoại/Telephone: Fax:N/A Email:SBG-IEBD@saibugas-group.com Website: <https://www.saibugas.co.jp/>

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons:*

SAIBU GAS CO., LTD.

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Sổ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức): _____ ngày cấp _____ nơi cấp **Nhật Bản/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations)**

date of issue place of issue **Japan.**

- Mỗi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/organisations*: Công ty con của SAIBU GAS HOLDINGS CO., LTD./A subsidiary of SAIBU GAS HOLDINGS CO., LTD.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/*Ownership percentage of shares*: **21%**

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned*: **PGD**

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above*:
Tại công ty chứng khoán/*At the securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction*: **20.789.775 cổ phiếu/shares (21%)**

6. Số lượng cổ phiếu đã chuyển nhượng tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/*Number of shares transferred at the date that changed the ownership percentage and ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more*: **20.789.775 cổ phiếu/shares (21%)**

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap)*: **0 cổ phiếu/shares (0%)**

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5%/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became/ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more*: **30/01/2026**

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons*: **20.789.775 cổ phiếu/shares (21%)**

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction*: **20.789.775 cổ phiếu/shares (21%)**

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL
AUTHORIZED TO REPORT AND DISCLOSE
INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

生越晴矢

OGOCHI HARUSHIGE